

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY,
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Bà Trần Thị Cúc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TA, xã TP thị xã C, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã T L, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành N kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, anh N thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo gia đình. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N; Con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phát, sinh ngày 17/02/2017, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ; Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N khởi kiện ly hôn bị đơn anh Nguyễn Thành N, anh N có địa chỉ cư trú tại ấp 6, xã T L, huyện C, tỉnh T. Căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ N và anh Nguyễn Thành N kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2016, ngày 02/3/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị N trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ đến tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự sống ly thân đến nay, không ai còn quan tâm lẫn nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, anh N không chăm lo cho gia đình. Riêng đối với anh N, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị N ly hôn anh vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị N nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị N thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phát, sinh ngày 17/02/2017, hiện tại sống chung với chị N ổn định. Do vậy, khi ly hôn giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, anh N vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”; tại khoản 1 Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con... Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác*”, đồng thời tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người có được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Mức cấp dưỡng chị N yêu cầu anh N phải thực

hiện mỗi tháng 1.500.000đ là nằm trong mức thu nhập, khả năng thực tế của anh N hiện tại và nhu cầu thiết yếu của con chung hiện nay, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, anh N vắng mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mỹ N. Cho chị Huỳnh Thị Mỹ N được ly hôn anh Nguyễn Thành N.

2. Về con: Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Phát, sinh ngày 17/02/2017 cho chị Huỳnh Thị Mỹ N nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Thành N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được. Anh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Chị Huỳnh Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006033 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4.2. Anh Nguyễn Thành N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Thạnh Lộc, CL, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan